

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BẾN CÁT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2020/HS-ST
Ngày 11-3-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tiến.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Thắm;

Bà Nguyễn Kim Lý;

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Thiện Đại - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 3 năm 2020 tại Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 41/2020/HSST ngày 24 tháng 02 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2020/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 02 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn Q, sinh năm 1974, tại: D; đăng ký thường trú: khu phố P, phường H, thị xã B, tỉnh D; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C (đã chết) và bà Phan Thị L; bị cáo có vợ là Đỗ Thị Ánh N; tiền án: không; tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 12/9/2019, đến ngày 21/9/2019 thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

2. Trần Văn V, sinh năm 1987, tại: T; đăng ký thường trú: ấp L, xã P, huyện T, tỉnh Đ; chỗ ở hiện nay: khu phố P, phường H, thị xã B, tỉnh D; nghề nghiệp: làm thuê trình độ học vấn: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Đ và bà Trần Thị T; bị cáo có vợ là Hứa Thị L; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 12/9/2019, đến ngày 21/9/2019 thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

3. Lâm Út E, sinh năm 1985, tại: C; đăng ký thường trú: ấp P, xã N, huyện Đ, tỉnh C; tạm trú: khu phố P, phường H, thị xã B, tỉnh D; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo:

không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lâm Văn L và bà Lê Thị L; bị cáo có vợ là Trương Thị H; tiền án: không; tiền án: ngày 22/4/2005 bị Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh B ra xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, ngày 12/9/2019 bị bắt tạm giữ, đến ngày 21/9/2019 thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

4. Nguyễn Châu P; sinh năm 1986, tại: D; địa chỉ: khu phố 7, phường Đ, thành phố T, tỉnh D; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C và bà Thái Thị H; bị cáo có vợ là Nguyễn Thị Ngọc H; tiền án, tiền sự: Không; ngày 12/9/2019 bị bắt tạm giữ, đến ngày 21/9/2019 thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

5. Huỳnh Tiến V1, sinh năm 1979, tại: T; đăng ký hộ khẩu thường trú: khóm 9, phường 4, thị xã T, tỉnh T; tạm trú: khu phố P, phường H, thị xã B, tỉnh D; nghề nghiệp: tài xế; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Kim B và bà Nguyễn Ngọc Y; bị cáo có vợ là Hoàng Thị B; tiền án, tiền sự: Không; ngày 12/9/2019 bị tạm giữ, đến ngày 21/9/2019 thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

6. Lê Văn H, Sinh năm 1985, tại: L; đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp X, xã V, huyện V, tỉnh L; tạm trú: phòng số 10, nhà trọ L, khu phố 4, phường H, thành phố T, tỉnh D; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn L và bà Nguyễn Thị P; bị cáo có vợ là Nguyễn Thị Diệu H; tiền án: ngày 30/10/2007 bị Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh L xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, tiền sự: Không; ngày 12/9/2019 bị tạm giữ, đến ngày 21/9/2019 thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

7. Nguyễn Mạnh H1; sinh năm 1984, tại: C; đăng ký thường trú: ấp L, xã T, huyện Đ, tỉnh C; tạm trú: khu phố P, phường H, thị xã B, tỉnh D; nghề nghiệp: công nhân; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Tấn D và bà Nguyễn Thị K; bị cáo có vợ là Nguyễn Thị Q; tiền án, tiền sự: Không; ngày 12/9/2019 bị tạm giữ, đến ngày 21/9/2019 thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

8. Lê Su N, sinh năm 1986, tại: L; đăng ký thường trú: ấp 1, xã P, huyện C, tỉnh L; tạm trú: khu phố P, phường H, thị xã B, tỉnh D; nghề nghiệp: công nhân; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con Lê Hồng T và bà Phan Thị N; bị cáo có vợ là Phạm Thị Mỹ H; tiền án, tiền sự: Không; ngày 12/9/2019 bị tạm giữ, đến ngày 21/9/2019 thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn Q mở quán cà phê bán nước uống tại nhà của Q ở khu phố P, phường H, thị xã B, tỉnh D. Quá trình bán quán, Q cho các đối tượng đánh bạc phía sau của quán để lấy tiền xấu.

Lúc 14 giờ ngày 12/9/2019, Đội Cảnh sát hình sự Công an thị xã Bến Cát phối hợp với Công an phường H bắt quả tang các đối tượng Trần Văn V, Lâm Út E, Nguyễn Châu P, Huỳnh Tiến V1, Lê Văn H, Nguyễn Mạnh H1, Lê Su N đang tụ tập trên tấm bạt dưới gốc cây mít thuộc sân vườn sau quán nước của nhà Q để đánh bạc. V làm cái, sử dụng dụng cụ đánh bạc lắc tài xỉu để các đối tượng Lâm Út E, Nguyễn Châu P, Huỳnh Tiến V1, Lê Văn H, Nguyễn Mạnh H1, Lê Su N tham gia đặt cược tiền cược lên chiều bạc với mức tiền cược ít nhất là 100.000 đồng/ván, nhiều nhất là 300.000 đồng/ván.

Hình thức đánh bạc như sau: 01 bộ lắc tài xỉu gồm: 01 đĩa sứ màu trắng, 01 nắp nhựa hình trụ màu đen và 03 hạt xí ngẫu; mỗi hột xí ngẫu có 06 mặt, mỗi mặt có chấm màu đen hoặc màu đỏ, số lượng mỗi mặt có chấm màu đen hoặc màu đỏ ở mỗi mặt khác nhau và tăng dần từ 01 đến 06, một chấm màu đen hoặc màu đỏ tương ứng với 01 nút điểm. V là người làm cái, bỏ 03 hạt xí ngẫu vào 01 đĩa sứ, lấy nắp nhựa đây lại rồi lắc nhiều lần, sau đó để xuống chiều bạc. V quy định bên trái là “xiu”, bên phải là “tài” (tổng số nút điểm từ 03 đến 10 là “xiu”, 11 đến 18 là “tài”). Sau khi các con bạc đặt tiền xong, V sẽ mở nắp nhựa, nếu nút điểm trùng với người đánh bạc đặt thì người đánh bạc thắng. Nếu lắc 03 mặt xí ngẫu có cùng một nút thì gọi là bảo, bảo xiu là 3,6,9, bảo tài là 12,15,18; nhà cái lắc ra bảo tài thì hòa tiền người đặt bên tài và ngược lại. Tỷ lệ thắng thua là 1:1, số tiền nhà cái lắc ra bảo thắng thì phải chia 50:50 với Q.

Vật chứng thu giữ gồm:

- Tổng số tiền thu giữ 15.020.000 đồng gồm: Tiền trên chiều bạc 10.120.000 đồng; thu giữ của Nguyễn Mạnh H1 4.000.000 đồng, thu giữ của Lê Văn H 900.000 đồng.

- 01 đĩa tròn, bằng sành, màu trắng;
- 01 nắp màu xanh bằng nhựa (loại nắp bình xịt muỗi);
- 03 hột xí ngẫu hình hộp vuông có 06 mặt, mỗi mặt có các nút điểm (chấm tròn) từ 01 đến 06;
- 01 ghế nhựa màu xanh;
- 01 tấm bạt màu xanh;
- 01 miếng ngói bị bể.

Tại Cơ quan điều tra Công an thị xã Bến Cát, Nguyễn Văn Q, Trần Văn V, Lâm Út E, Nguyễn Châu P, Huỳnh Tiến V1, Lê Văn H, Nguyễn Mạnh H1, Lê Su N khai nhận như sau:

1. Nguyễn Văn Q khai nhận: Từ tháng 8/2019, Q sử dụng địa điểm là vườn sau nhà tại khu phố P, phường H, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương để cho các đối tượng đánh bạc dưới hình thức lắc tài xỉu thắng thua bằng tiền. Q thu lợi từ các đối tượng làm nhà cái. Khi nhà cái lắc ra “bảo” thắng thì phải chia 50:50 số tiền với Q. Trung bình, Q thu lợi mỗi ngày từ 500.000 đồng đến 700.000 đồng. Trong ngày 12/9/2019, trước khi bị bắt, Q đã cho đối tượng Bảy Tên (chưa rõ nhân thân, lai lịch) làm cái lắc tài xỉu thắng thua bằng tiền cho

các đối tượng (không rõ nhân thân, lai lịch) tham gia đặt cược. Q đã thu tiền xâu 500.000 đồng từ Bảy Tên và dùng tiền mua 01 (Một) ống xả xe mô tô. Sau khi Bảy Tên nghỉ ra về thì V đến. V đứng ra làm cái lắc tài xỉu để cho các đối tượng tham gia đánh bạc thì bị bắt. V chưa đưa tiền xâu cho Q.

2. Trần Văn V khai nhận: Lúc 12 giờ ngày 12/9/2019, V đến nhà của Nguyễn Văn Q. Sau khi Bảy Tên nghỉ thì V đứng ra làm cái cho Lâm Út E, Nguyễn Châu P, Huỳnh Tiến V1, Lê Văn H, Nguyễn Mạnh H1, Lê Su N đặt cược. Khi đi, V mang theo 2.520.000 đồng, V sử dụng hết đánh bạc. Trong quá trình đánh bạc, V thắng được 01 lần “Bảo” với số tiền 400.000 đồng. V để số tiền này trên chiếu bạc, để trả tiền xâu 200.000 đồng cho Q. Khi bị bắt, V thua 600.000 đồng. Tổng số tiền V đánh bạc là 2.520.000 đồng.

3. Lâm Út E khai nhận: Lúc 11 giờ 50 phút ngày 12/9/2019, E đến nhà Nguyễn Văn Q. Khi V đứng ra làm cái lắc tài xỉu thì E tham gia đặt cược. Khi đi, E mang theo 5.000.000 đồng, sử dụng hết để đánh bạc. Mỗi ván, E đặt cược từ 300.000 đồng đến 400.000 đồng. Khi bị bắt, E thắng được 1.600.000 đồng. Tổng số tiền E đánh bạc là 6.600.000 đồng.

4. Nguyễn Châu P khai nhận: Lúc 11 giờ 30 phút ngày 12/9/2019 P đến nhà của Nguyễn Văn Q. Khi V đứng ra làm cái lắc tài xỉu thì P tham gia đặt cược. Khi đi, P mang theo số tiền 500.000 đồng dùng để đánh bạc. Mỗi ván, P đặt tiền cược từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng. Đến khi bị bắt, P thua 500.000 đồng. Số tiền P sử dụng để đánh bạc là 500.000 đồng.

5. Lê Văn H khai nhận: Lúc 11 giờ 30 phút ngày 12/9/2019, H đến nhà của Nguyễn Văn Q. Khi V đứng ra làm cái lắc tài xỉu thì H tham gia đặt cược. Khi đi, H mang theo 1.500.000 đồng. H sử dụng 500.000 đồng để đánh bạc. Mỗi ván, H đặt tiền cược từ 50.000 đồng đến 200.000 đồng. Đến khi bị bắt, H thắng 200.000 đồng, H bị thu giữ trên người 900.000 đồng. Số tiền H đánh bạc là 700.000 đồng.

6. Huỳnh Tiến V1 khai nhận: Lúc 13 giờ ngày 12/9/2019, V1 đến nhà của Nguyễn Văn Q. Khi đến, thấy V đứng ra làm cái lắc tài xỉu thì V1 tham gia. Khi đi, V1 mang theo 900.000 đồng. V1 sử dụng 100.000 đồng để đánh bạc, còn 800.000 đồng V1 để dành chi tiêu cá nhân. Mỗi ván, V1 đều đặt tiền cược 100.000 đồng. Khi bị bắt, V1 không thắng không thua. Khi công an đến, V1 cầm số tiền 900.000 đồng bỏ chạy, bị té ngã rơi hết số tiền này (không thu giữ được). Số tiền V1 đánh bạc là 100.000 đồng.

7. Nguyễn Mạnh H1 khai nhận: Lúc 13 giờ 45 phút ngày 12/9/2019, H1 đến nhà của Nguyễn Văn Q. Khi V đứng ra làm cái lắc tài xỉu thì H1 tham gia. Khi đi, H1 mang theo 4.900.000 đồng. H1 sử dụng 900.000 đồng để đánh bạc, còn 4.000.000 đồng H1 dành để chi tiêu cá nhân. Mỗi ván, H1 đặt tiền cược từ 50.000 đồng đến 100.000 đồng. Đến khi bị bắt, H1 thua số tiền 200.000 đồng. H1 bị thu giữ trên người số tiền 4.000.000 đồng. Số tiền H1 đánh bạc là 900.000 đồng.

8. Lê Su N khai nhận: Lúc 13 giờ ngày 12/9/2019, N đến nhà của Nguyễn Văn Q. N thấy V làm cái lắc tài xỉu nên vào tham gia. Khi đến, N mang theo số tiền 600.000 đồng, N sử dụng hết 600.000 đồng để đánh bạc.

Mỗi ván, N đặt tiền cược 200.000 đồng. Khi bị bắt, N thua số tiền 400.000 đồng. Số tiền đánh bạc của N là 600.000 đồng.

Tổng số tiền các đối tượng dùng để đánh bạc là 10.820.000 đồng gồm: tiền trên chiếu bạc 10.120.000 đồng và 700.000 đồng thu giữ của Lê Văn H có căn cứ sử dụng để đánh bạc.

Tại bản Cáo trạng số 52/QĐ-KSĐT ngày 19/02/2020 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương truy tố các bị cáo Nguyễn Văn Q, Trần Văn V, Lâm Út E, Nguyễn Châu P, Huỳnh Tiến V1, Lê Văn H, Nguyễn Mạnh H1 và Lê Su N về tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015;

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng nêu trên và không có ý kiến gì khác.

Tại phần tranh luận:

- Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát trình bày luận tội:

Giữ nguyên quyết định truy tố của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát tại Cáo trạng số 52/QĐ-KSĐT ngày 19/2/2020 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương đối với các bị cáo;

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Văn Q, Trần Văn V, Nguyễn Châu P, Huỳnh Tiến V1, Nguyễn Mạnh H1 và Lê Su N.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Q từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng.

Xử phạt bị cáo Trần Văn V từ 30.000.000 đồng đến 35.000.000 đồng.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Châu P từ 22.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng.

Xử phạt bị cáo Huỳnh Tiến V1 từ 22.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Mạnh H1 từ 22.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng.

Xử phạt bị cáo Lê Su N từ 22.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lâm Út E và Lê Văn H.

Xử phạt bị cáo Lâm Út E từ 06 (sáu) tháng đến 08 (tám) tháng cải tạo tại không giam giữ.

Phạt bổ sung bị cáo Lâm Út E số tiền từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng.

Xử phạt bị cáo Lê Văn H từ 06 (sáu) tháng đến 08 (tám) tháng cải tạo tại không giam giữ.

Phạt bổ sung bị cáo Lê Văn H số tiền từ 22.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng.

Về biện pháp tư pháp: Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 và điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015:

Tịch thu tiêu hủy:

- + 01 ống xả xe mô tô bằng kim loại.
- + 01 đĩa tròn, bằng sành, màu trắng.
- + 01 nắp màu xanh bằng nhựa (loại nắp bình xịt muối).
- + 03 hột xí ngầu hình hộp vuông có 06 mặt, mỗi mặt có các nút điểm (chấm tròn) từ 01 đến 06.
- + 01 ghế nhựa màu xanh.
- + 01 tấm bạt màu xanh.
- + 01 miếng ngói bị bể.

Tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước: 10.820.000 đồng, quản thủ số tiền 4.000.000 đồng của bị cáo H1 và số tiền 200.000 đồng của bị cáo H để đảm bảo cho việc thi hành án.

Các bị cáo không phát biểu ý kiến tranh luận với Kiểm sát viên và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đồng ý với quyết định truy tố, điều khoản áp dụng và xử lý vật chứng của đại diện Viện Kiểm sát.

Các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của mình, các bị cáo hứa sẽ không vi phạm nữa và sẽ cố gắng làm công dân tốt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Bến Cát, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là đúng quy định pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận:

Trong khoảng thời gian từ 11 giờ 30 phút đến 14 giờ ngày 12/9/2019, tại sân vườn sau quán nước của nhà Nguyễn Văn Q ở khu phố Phú Nghị, phường Hòa Lợi, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương, Trần Văn V, Lâm Út E, Nguyễn Châu P, Huỳnh Tiến V1, Lê Văn H, Nguyễn Mạnh H1, Lê Su N đánh bạc thắng thua bằng tiền dưới hình thức lắc tài xỉu với tổng số tiền đánh bạc là 10.820.000 đồng.

Số tiền từng bị cáo dùng để đánh bạc cụ thể như sau:

- Trần Văn V số tiền 2.520.000 đồng, Lâm Út E số tiền 6.600.000 đồng, Nguyễn Châu P số tiền là 500.000 đồng, Lê Văn H số tiền 700.000 đồng, Huỳnh Tiến V1 số tiền 100.000 đồng, Nguyễn Mạnh H1 số tiền 200.000 đồng, Lê Su N số tiền 600.000 đồng.

Đối với Nguyễn Văn Q sử dụng nơi ở của mình cho các đối tượng đánh bạc thắng thua bằng tiền để thu tiền xâu. Trong khoảng thời gian từ 09 giờ đến 11 giờ ngày 12/9/2019, Nguyễn Văn Q đã thu tiền xâu 500.000 đồng. Riêng đối với Trần Văn V, Lâm Út E, Nguyễn Châu P, Huỳnh Tiến V1, Lê Văn H, Nguyễn Mạnh H1, Lê Su N tham gia đánh bạc thì Nguyễn Văn Q chưa kịp thu tiền xâu thì bị bắt.

Do đó, hành vi mà các bị cáo Trần Văn V, Lâm út E, Nguyễn Châu P, Huỳnh Tiến V1, Lê Văn H, Nguyễn Mạnh H1 và Lê Su N thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự 2015.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn Q sử dụng nơi ở của mình cho các bị cáo còn lại đánh bạc để thu tiền xâu là có dấu hiệu của tội tổ chức đánh bạc. Tuy nhiên, hành vi của bị cáo chưa đủ yếu tố cấu thành tội tổ chức đánh bạc theo quy định tại Điều 322 của bộ luật hình sự. Vì vậy, căn cứ vào quy định tại khoản 2 Điều 2 của nghị quyết số 01/2010/NQ-HĐTP ngày 22/10/2010 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của bộ luật hình sự năm 1999 bị cáo Q phải chịu trách nhiệm hình sự về đồng phạm tội đánh bạc.

Do đó, Cáo trạng số 52/CT-VKS ngày 19/2/2020 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát và kết luận của Kiểm sát viên đề nghị truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật; các bị cáo hoàn toàn đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến nếp sống văn minh, gây tác hại xấu đến trật tự công cộng và an toàn xã hội. Về nhận thức, các bị cáo hoàn toàn biết hành vi đánh bạc, tổ chức đánh bạc là trái pháp luật nhưng vì ý thức xem thường pháp luật nên các bị cáo đã cố tình thực hiện. Do đó, cần phải có một mức hình phạt tương xứng với tính chất và mức độ phạm tội của các bị cáo để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Các bị cáo tham gia đánh bạc với tính chất đồng phạm giản đơn, cùng tham gia thực hiện nên xét về tính chất thì các bị cáo có vai trò tương đương nhau nhưng số tiền dùng để đánh bạc khác nhau nên phải chịu mức hình phạt tương ứng; đối với bị cáo Q mặc dù không trực tiếp tham gia đánh bạc nhưng bị cáo cho các bị cáo khác sử dụng nơi ở của mình đánh bạc để thu tiền xâu nên bị cáo có vai trò đồng phạm giúp sức.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ là: thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; đối với các bị cáo Q, V, P, V1, H1 được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ là phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo E và H đã bị kết án, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội nên bị cáo E và H phải chịu tình tiết tăng nặng là tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của bộ luật hình sự.

Đôi chiếu hành vi phạm tội của các bị cáo với quy định của pháp luật, đồng thời có xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy các bị cáo nhận thức được hành vi đánh bạc là vi phạm pháp luật, các bị cáo có công việc ổn định, có nơi cư trú rõ ràng, do đó Hội đồng xét xử thấy không cần thiết áp dụng hình phạt tù đối với các bị cáo mà chỉ cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ, bổ sung phạt tiền đối với bị cáo H và E; đối với các bị cáo còn lại thì phạt tiền thì đã đủ sức răn đe, giáo dục các bị cáo trở thành người tốt, sống có ích cho xã hội.

Từ các nhận định trên, xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát về tội danh, điều khoản, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với các bị cáo là có căn cứ và phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về biện pháp tư pháp:

Tịch thu tiêu hủy P tiện phạm tội:

- + 01 ống xả xe mô tô bằng kim loại.
- + 01 đĩa tròn, bằng sành, màu trắng.
- + 01 nắp màu xanh bằng nhựa (loại nắp bình xịt muối).
- + 03 hộp xí ngẫu hình hộp vuông có 06 mặt, mỗi mặt có các nút điểm (chấm tròn) từ 01 đến 06.
- + 01 ghế nhựa màu xanh.
- + 01 tấm bạt màu xanh.
- + 01 miếng ngói bị bể.

Tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước: Số tiền 10.820.000 đồng các bị cáo sử dụng làm P tiện phạm tội.

Quản thủ số tiền 4.000.000 đồng thu của bị cáo H1 và 200.000 đồng thu của bị cáo H để bảo đảm cho việc thi hành án.

Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn Q, Trần Văn V, Lâm Út E, Nguyễn Châu P, Huỳnh Tiến V1, Lê Văn H, Nguyễn Mạnh H1 và Lê Su N phạm tội: “Đánh bạc”;

2. Về hình phạt:

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Văn Q, Trần Văn V, Nguyễn Châu P, Huỳnh Tiến V1, Nguyễn Mạnh H1 và Lê Su N.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Q 25.000.000 đồng.

Xử phạt bị cáo Trần Văn V 30.000.000 đồng.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Châu P 22.000.000 đồng.

Xử phạt bị cáo Huỳnh Tiến V1 22.000.000 đồng.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Mạnh H1 22.000.000 đồng.

Xử phạt bị cáo Lê Su N 22.000.000 đồng.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lâm Út E và Lê Văn H.

Xử phạt bị cáo Lâm Út E 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính kể từ ngày Ủy ban nhân dân phường Hòa Lợi, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương nhận được Bản án và Quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Lâm Út E cho Ủy ban nhân dân phường Hòa Lợi, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương phối hợp với gia đình giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Trong trường hợp người chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về Thi hành án hình sự.

Phạt bổ sung bị cáo Lâm Út E số tiền 25.000.000 đồng.

Xử phạt bị cáo Lê Văn H 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính kể từ ngày Ủy ban nhân dân phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương nhận được Bản án và Quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Lê Văn H cho Ủy ban nhân dân phường H, thành phố T, tỉnh D phối hợp với gia đình giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Trong trường hợp người chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về Thi hành án hình sự.

Phạt bổ sung bị cáo Lê Văn H số tiền 22.000.000 đồng.

3. Về biện pháp tư pháp: Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 và điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015:

Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 ống xả xe mô tô bằng kim loại.

- + 01 đĩa tròn, bằng sành, màu trắng.
- + 01 nắp màu xanh bằng nhựa (loại nắp bình xịt muối).
- + 03 hột xí ngầu hình hộp vuông có 06 mặt, mỗi mặt có các nút điểm (chấm tròn) từ 01 đến 06.
- + 01 ghế nhựa màu xanh.
- + 01 tấm bạt màu xanh.
- + 01 miếng ngói bị bể.

(Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 20/02/2020 giữa Công an thị xã Bến Cát với Chi cục thi hành án thị xã Bến Cát).

Tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước: 10.820.000 đồng, quản thủ số tiền 4.000.000 đồng của bị cáo H1 và số tiền 200.000 đồng của bị cáo H để đảm bảo cho việc thi hành án.

(Giấy nộp tiền vào tài khoản số 394901046035 tại kho bạc Nhà nước thị xã Bến Cát ngày 09/01/2020).

Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Bến Cát;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thị xã Bến Cát;
- Công an thị xã Bến Cát;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Tiến

